

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng
đối với khách hàng*

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2000 và thay thế Quyết định số 324/1998/QĐ-NHNN1 ngày 30/9/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Điều 3. Các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa giải ngân hoặc giải ngân chưa hết và các hợp đồng tín dụng đã cho vay còn dư nợ đến cuối ngày 14/9/2000 thì tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện theo các điều khoản đã ký kết cho đến khi thu hết nợ hoặc thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ CHO VAY CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 284/2000/QĐ-NHNN1

ngày 25/8/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương I

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc cho vay bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng được thành lập và thực hiện nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Khách hàng vay tại tổ chức tín dụng, bao gồm:

a) Các pháp nhân là: Doanh nghiệp Nhà nước, hợp tác xã, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức khác có đủ các điều kiện quy định tại Điều 94 của Bộ Luật dân sự;

b) Cá nhân;

c) Hộ gia đình;

d) Tổ hợp tác;

đ) Doanh nghiệp tư nhân;

e) Công ty hợp danh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Cho vay** là một hình thức của cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao cho khách hàng sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

2. **Thời hạn cho vay** là một khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu nhận tiền vay cho đến thời điểm trả hết nợ gốc và lãi tiền vay đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng.

3. **Kỳ hạn trả nợ** là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã được thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ tiền vay cho tổ chức tín dụng.

4. **Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ** là việc tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về việc thay đổi các kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng.

5. **Gia hạn nợ vay** là việc tổ chức tín dụng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian ngoài thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

6. Dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống là một tập hợp những đề xuất về nhu cầu vốn, cách thức sử dụng vốn, kết quả tương ứng thu được trong một khoảng thời gian xác định đối với hoạt động cụ thể để sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển hoặc phục vụ đời sống.

7. **Hạn mức tín dụng** là mức dư nợ vay tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà tổ chức tín dụng và khách hàng đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Điều 4. Thực hiện quy định về quản lý ngoại hối

Trong khi cho vay bằng ngoại tệ, tổ chức tín dụng và khách hàng phải thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý ngoại hối.

Chương II

Những quy định cụ thể

Điều 5. Quyền tự chủ trong cho vay của tổ chức tín dụng

Tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình. Không một tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào quyền tự chủ trong cho vay của tổ chức tín dụng.

Điều 6. Nguyên tắc vay vốn

Khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;
2. Phải hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;
3. Việc bảo đảm tiền vay phải thực hiện quy định của Chính phủ và của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 7. Điều kiện vay vốn

Tổ chức tín dụng xem xét và quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau:

1. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, cụ thể là:
 - a) Pháp nhân phải có năng lực pháp luật dân sự;
 - b) Cá nhân và chủ doanh nghiệp tư nhân phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;
 - c) Đại diện của hộ gia đình phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;
 - d) Đại diện của tổ hợp tác phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;
 - đ) Thành viên hợp danh của Công ty hợp danh phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;
2. Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết;
3. Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp;
4. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi, có hiệu quả hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi kèm theo phương án trả nợ khả thi;

5. Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 8. Loại cho vay

1. Cho vay ngắn hạn: Tổ chức tín dụng cho khách hàng vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

2. Cho vay trung hạn, dài hạn: Tổ chức tín dụng cho khách hàng vay vốn trung hạn, dài hạn nhằm thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

Điều 9. Đối tượng cho vay

1. Tổ chức tín dụng cho vay các đối tượng:

a) Giá trị vật tư, hàng hoá, máy móc, thiết bị bao gồm cả thuế giá trị gia tăng nằm trong tổng giá trị lô hàng và các khoản chi phí để thực hiện các dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống;

b) Các nhu cầu tài chính của khách hàng sau đây:

- Số tiền thuế xuất khẩu, nhập khẩu khách hàng phải nộp để làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu mà giá trị lô hàng đó tổ chức tín dụng có tham gia cho vay;

- Số lãi tiền vay trả cho tổ chức tín dụng cho vay trong thời hạn thi công, chuyển giao và đưa tài sản cố định vào sử dụng đối với cho vay trung hạn, dài hạn để đầu tư tài sản cố định mà khoản trả lãi được tính trong giá trị tài sản cố định đó;

- Số tiền khách hàng vay để trả cho các khoản vay tài chính (bằng tiền) cho nước ngoài mà các khoản vay đó đã được tổ chức tín dụng trong nước bảo lãnh, nếu có đủ các điều kiện sau: Dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống sử dụng khoản vay trên đang được thực hiện có hiệu quả; khoản vay nằm trong hạn trả nợ; khách hàng đạt được điều kiện vay vốn thuận lợi hơn hoặc tiết kiệm chi phí so với vay vốn nước ngoài và có khả năng trả nợ;

- Các nhu cầu tài chính khác phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và phục vụ đời sống theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Tổ chức tín dụng không được cho vay các đối tượng sau:

a) Số tiền thuế phải nộp trực tiếp cho Ngân sách Nhà nước; trừ số tiền thuế xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Đoạn 1 Điểm b Khoản 1 Điều này;

b) Số tiền để trả nợ gốc và lãi vay cho tổ chức tín dụng khác;

c) Số lãi tiền vay trả cho chính tổ chức tín dụng cho vay vốn; trừ trường hợp cho vay số lãi tiền vay theo quy định tại Đoạn 2 Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thời hạn cho vay

Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về thời hạn cho vay theo hai loại:

1. Cho vay ngắn hạn: Tối đa đến 12 tháng, được xác định phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng.

2. Cho vay trung hạn, dài hạn: Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư, khả năng trả nợ của khách hàng và tính chất nguồn vốn cho vay của tổ chức tín dụng:

a) Thời hạn cho vay trung hạn: Từ *trên* 12 tháng đến 60 tháng;

b) Thời hạn cho vay dài hạn: Từ trên 60 tháng trở lên nhưng không quá thời hạn hoạt động còn lại theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập đối với pháp nhân và không quá 15 năm đối với cho vay các dự án *đầu tư* phục vụ đời sống.

Điều 11. Lãi suất cho vay

1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm công bố công khai các mức lãi suất cho vay cho khách hàng biết.

2. Lãi suất cho vay ưu đãi được áp dụng đối với các khách hàng được ưu đãi về lãi suất theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, phải áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo mức quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng.

Điều 12. Mức cho vay

1. Tổ chức tín dụng căn cứ vào nhu cầu vay vốn của khách hàng, quy định của Chính phủ tại Nghị định số 178/1999/NĐ-CP về mức cho vay so với giá trị tài sản làm bảo đảm, khả năng hoàn trả nợ của khách hàng vay và khả năng nguồn vốn của mình để quyết định mức cho vay.

2. Tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng, trừ trường hợp đối với những khoản vay từ các nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, của các tổ chức, cá nhân hoặc trường hợp khách hàng vay là tổ chức tín dụng.

3. Tổng dư nợ cho vay đối với các đối tượng quy định tại Điều 21 Quy chế này không được vượt quá 5% vốn tự có của tổ chức tín dụng.

Điều 13. Trả nợ gốc và lãi

1. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khả năng tài chính, thu nhập và nguồn trả nợ của khách hàng, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về việc trả nợ gốc và lãi tiền vay như sau:

a) Các kỳ hạn trả nợ gốc;

b) Các kỳ hạn trả lãi tiền vay cùng với kỳ hạn trả nợ gốc hoặc theo kỳ hạn riêng;